

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **916** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý
2. Bà Đỗ Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 745/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm: 1970. Nơi ĐKKH thường trú: 48 Q L 1A, k p 1, phường B H H B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị T, sinh năm: 1971. Nơi ĐKKH thường trú: 48 Q l 1A, khu phố 1, phường B H H B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C; Trụ sở chính: 442 Nguyễn Thị Minh K, phường 5, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A-446 Cách Mạng Tháng T, phường M M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nguyễn Quốc D, sinh năm 1983; Chức vụ: Nhân viên (Giấy ủy quyền số

549/UQ.QLN.19, ngày 14/8/2019 của bà Vũ Thị Anh Đ; Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C). (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của ông Lê Văn B cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2002, ngày 27/12/2002). Trong thời gian chung sống cùng nhau, do tính tình không hợp nên ông Lê Văn B và bà Đào Thị T thường xuyên cãi nhau vì vậy hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay ông Lê Văn B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng bà Đào Thị T vì đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B yêu cầu được ly hôn bà Đào Thị T.

Về con chung: Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T có 01 (một) con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 17/12/2001, đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T gồm có:

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu.

- Nhà, đất tại địa chỉ: C1/18, ấp 3, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 802636, số vào sổ CH 03924, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/8/2012 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Nhà, đất tại địa chỉ: F3/16B, ấp 6, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN137642, số vào sổ H03079/7013925, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2008 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Nhà, đất tại địa chỉ: E8/18K, ấp 5, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 714754, số vào sổ CH 05704, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2013 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Đất có diện tích khoảng 6,000 m² (sáu nghìn mét vuông) tại ấp Rừng Dầu, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 532516, số vào sổ CS 01334; CK 532517, số vào sổ CS 01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/7/2017 và số CP 274873, số vào sổ CH 03720 do UBND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 03/10/2018 cho ông Lê Văn B đứng tên).

Ông Lê Văn B ước tính tổng trị giá tài sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T vào khoảng 2,620,000,000 đồng (hai tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng); ông Lê Văn B yêu cầu được nhận 50% số tài sản chung nêu trên là 1,310,000,000 đồng (một tỷ, ba trăm mười triệu đồng).

Về nợ chung: Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C, chi nhánh Bến Nhà Rồng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 1,780,000,000 (một tỷ, bảy trăm tám mươi triệu) đồng, theo hợp đồng tín dụng số KHH.CN 2240.250319 ngày 03/5/2019; Ông Lê Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người có trách nhiệm trả 50% số tiền nợ trên, số tiền mỗi người phải trả là 890,000,000 đồng (tám trăm chín mươi triệu đồng).

Vào ngày 24/12/2019, ông Lê Văn B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Do ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia phần tài sản chung là nhà, đất nên ông Lê Văn B xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung về phần này.

Phần tài sản còn lại là 03 (ba) chiếc xe ô tô dưới đây thì ông Lê Văn B và bà Đào Thị T không thỏa thuận được nên đang tranh chấp:

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu.

Nay, ông Lê Văn B yêu cầu được nhận 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53.

Hai chiếc còn lại là: 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61 và 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22 thì ông Lê Văn B đồng ý giao cho bà Đào Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Về nợ chung: Do ông Lê Văn B, bà Đào Thị T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C đã thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ nên hiện nay ông Lê Văn B và bà Đào Thị T không có nợ chung.

Bị đơn - bà Đào Thị T – vắng mặt, nhưng có bản tự khai như sau: Trong quá trình chung sống giữa bà Đào Thị T và ông Lê Văn B chỉ xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ không đáng kể, hai bên vẫn yêu thương và chăm sóc cho nhau. Đến năm 2018, bà Đào Thị Thủy phát hiện ông Lê Văn B có người phụ nữ khác, từ đó ông Lê Văn B trở nên lạnh nhạt với gia đình sau đó đã dọn ra ngoài ở riêng và hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, hiện nay bà Đào Thị T vẫn còn tình cảm với ông Lê Văn B, vẫn còn muốn chung sống với ông Lê Văn B và cùng chăm sóc nhau khi về già nên bà Đào Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đào Thị T không đồng ý ly hôn ông Lê Văn B.

- *Về con chung:* Bà Đào Thị T và ông Lê Văn B có 01 (một) con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 17/12/2001.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B thì bà Đào Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Bà Đào Thị T yêu cầu ông Lê Văn B phải trả cho bà Đào Thị T 300,000,000 (ba trăm triệu) đồng. Bà Đào Thị T tự khai đây là số tiền trong tài khoản ngân hàng của ông Lê Văn B mà bà Đào Thị T và ông Lê Văn B đã dùng chung để giao dịch làm ăn khi vợ chồng còn hòa thuận, ông Lê Văn B đã tự ý rút tiền mà không giao cho bà Đào Thị T.

- *Về nợ chung:* Bà Đào Thị T không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Á Châu có ông Hồ Nguyễn Quốc Dũng là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt, nhưng các bản tự khai, tài liệu nộp cho Tòa án đã trình bày:

Ngày 30/10/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C (ACB) đã nộp đơn yêu cầu độc lập số 416/KN-QLN.19, cụ thể như sau:

ACB đã cấp tín dụng cho ông Lê Văn B và bà Đào Thị T căn cứ theo các Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng sau:

1. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.285.300517 ngày 31/5/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 239272479 ngày 02/6/2017, chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*);
- Thời hạn cho vay : 60 tháng, từ ngày 03/6/2017 đến ngày 02/6/2022.

2. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.916.221117 ngày 24/11/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 250602359 ngày 24/11/2017, chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*)
- Thời hạn cho vay : 60 tháng, từ ngày 25/11/2017 đến ngày 24/11/2022.

3. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.2231.250319 ngày 03/05/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.2240.250319 ngày 03/05/2019; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 283137329 ngày 03/05/2019, chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 1.780.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng*)
- Thời hạn cho vay : 84 tháng, từ ngày 04/05/2019 đến ngày 03/05/2026.

Trong quá trình vay vốn, ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp thu hồi nợ trước hạn, nên ngày 23/10/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C đã ra Thông báo thu hồi trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán theo Khế ước nhận nợ trên.

Tính đến ngày 28/10/2019, ông Lê Văn B và bà Đào Thị T còn nợ ACB các khoản sau:

TT	Khế ước nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	239272479	330,000,000	5,650,000	24,767	21,205	335,695,972
2	250602359	285,000,000	4,876,027	18,575	18,289	289,912,891
3	283137329	1,695,236,000	28,902,324	50,075	105,755	1,724,294,154
Tổng cộng		2,310,236,000	39,428,351	93,417	145,249	2,349,903,017

Các khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số: 81 (BĐDC/2006), địa chỉ: xã V L B, huyện B C, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03079/7013925 do UBND huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/07/2008, cập nhật chuyển mục đích sử dụng đất ngày 21/8/2015.

Tài sản trên được thế chấp cho ACB theo các Hợp đồng thế chấp sau:

– Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KHH.BĐCN.147.300517 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Tp. Hồ Chí Minh ngày 31/5/2017, số công chứng 006299, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh ngày 31/5/2017, quyền số 01, số thứ tự 1847, hồ sơ số 003114.TC;

– Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.BĐCN.147.300517/SĐBS-01 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Tp. Hồ Chí Minh ngày 24/11/2017, số công chứng 013059, quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD;

– Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.BĐCN.147.300517/SĐBS-02 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm, Tp. Hồ Chí Minh ngày 09/03/2018, số công chứng 002267.

Nên ACB có yêu cầu độc lập đối với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T như sau:

1. Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 28/10/2019 là 2,349,903,017 đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm linh ba nghìn không trăm mười bảy đồng*); Trong đó gồm vốn gốc 2,310,236,000 đồng, lãi trong hạn 39,428,351 đồng, lãi quá hạn 93,417 đồng, phạt chậm trả lãi 145,249 đồng.

2. Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 29/10/2019 đến ngày trả dứt nợ.

3. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

4. Nếu ông Lê Văn B và bà Đào Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 506, tờ bản đồ số: 81 (BĐDC/2006), địa chỉ: xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán nợ nên ngày 18/12/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C đã có Công văn số 4350/CV-QLN.19 rút lại toàn bộ yêu cầu trong Đơn yêu cầu độc lập số 416/KN-QLN.19, ngày 30/10/2019.

Nay trong vụ án này Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C không có yêu cầu gì đối với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T.

Do bị đơn là bà Đào Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng thường xuyên vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn B và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Nguyễn Quốc Dũng - có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đơn rút yêu cầu độc lập, bản tự khai và tại các buổi hòa giải.

Bị đơn - bà Đào Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thường xuyên vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn B và bà Đào Thị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, hai bên không quan tâm, chăm sóc cho nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc ông Lê Văn B yêu cầu được ly hôn bà Đào Thị T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Con chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 17/12/2001, hiện nay đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; phần nguyên đơn rút yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của ông Lê Văn B, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn”; bị đơn - bà Đào Thị T có nơi cư trú tại số 48 Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Lê Văn B là nguyên đơn và ông Hồ Nguyễn Quốc Dũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – có đơn xin vắng mặt; bà Đào Thị T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn B, bà Đào Thị T và ông Hồ Nguyễn Quốc Dũng là phù hợp.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn B đối với bà Đào Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời trình bày của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T thì trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Lê Văn B là do hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Còn theo bà Đào Thị T thì nguyên nhân là do ông Lê Văn B có tình cảm với người phụ nữ khác nên lạnh nhạt với gia đình, tuy vậy bà Đào Thị T vẫn còn tình cảm với ông Lê Văn B và muốn hòa giải, hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Từ khi hai bên sống ly thân cho đến nay, không bên nào có hành vi nào thể hiện thiện chí muốn hàn gắn, hòa giải để đoàn tụ gia đình. Thậm chí, kể từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của ông Lê Văn B, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Đào Thị T đến Tòa án để bà Đào Thị T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho ông Lê Văn B và bà Đào Thị T hàn gắn tình cảm nhưng bà Đào Thị T thường xuyên vắng mặt, điều đó thể hiện bà Đào Thị T không thực sự có thiện chí hòa giải, hàn gắn với ông Lê Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Lê Văn B, bà Đào Thị T đã trầm trọng, không còn khả năng

để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Lê Văn B yêu cầu được ly hôn bà Đào Thị T, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông Lê Văn B và bà Đào Thị T có 01 (một) con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 17/12/2001.

Xét, con chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 17/12/2001, đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, ông Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/7/2019, ông Lê Văn B yêu cầu chia sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T, gồm có:

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu.

- Nhà, đất tại địa chỉ: C1/18, ấp 3, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 802636, số vào sổ CH 03924, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/8/2012 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Nhà, đất tại địa chỉ: F3/16B, ấp 6, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN137642, số vào sổ H03079/7013925, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2008 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Nhà, đất tại địa chỉ: E8/18K, ấp 5, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 714754, số vào sổ CH 05704, do UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2013 cho bà Đào Thị T đứng tên).

- Đất có diện tích khoảng 6,000 m² (sáu nghìn mét vuông) tại ấp Rừng Dầu, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 532516, số vào sổ CS 01334; CK 532517, số vào sổ CS 01335 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 14/7/2017 và số CP 274873, số vào sổ CH 03720 do UBND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 03/10/2018 cho ông Lê Văn B đứng tên.

Tổng trị giá tài sản chung theo ước tính của ông Lê Văn B là khoảng 2,620,000,000 đồng (hai tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng; ông Lê Văn B yêu cầu được nhận 50 % giá trị số tài sản chung là 1,310,000,000 đồng (một tỷ, ba trăm mười triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia phần tài sản chung là các bất động sản là nhà, đất nên vào ngày 24/12/2019, ông Lê Văn B có đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đối với các bất động sản là nhà, đất.

Xét, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, phần tài sản còn lại là 03 (ba) chiếc xe ô tô thì ông Lê Văn B và bà Đào Thị T không thỏa thuận được nên ông Lê Văn B đề nghị Tòa án phân chia, cụ thể như sau:

Ông Lê Văn B yêu cầu được nhận 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu.

Hai chiếc còn lại là: 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu và 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu - thì ông Lê Văn B đồng ý giao cho bà Đào Thị T được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt.

Hội đồng xét xử nhận định, cả 03 chiếc xe ô tô nêu trên do ông Lê Văn B, bà Đào Thị T đứng tên đều được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay ông Lê Văn B có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Xét, theo chứng thư thẩm định giá số 1460819/CT-TV tháng 8/2019 của Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì 03 (ba) chiếc xe nêu trên được định giá như sau:

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu có giá 477,498,000 đồng.

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu có giá 208,800,000 đồng.

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu có giá 625,211,000 đồng.

Xét, tổng giá trị của 03 (ba) chiếc xe nêu trên là 1,311,509,000 đồng (một tỷ, ba trăm mười một triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng), ông Lê Văn B chỉ yêu cầu được nhận 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53 có giá 477,498,000 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) là chỉ chiếm 36% tổng giá trị tài sản yêu cầu phân chia nên có cơ sở chấp nhận.

Xét, yêu cầu của bà Đào Thị T về việc ông Lê Văn B phải trả cho bà Đào Thị T 300,000,000 đồng (ba trăm triệu đồng); Bà Đào Thị T cho rằng đây là số tiền trong tài khoản ngân hàng của ông Lê Văn B mà bà Đào Thị T và ông Lê Văn B đã dùng chung để giao dịch làm ăn khi vợ chồng còn hòa thuận, ông Lê Văn B đã tự ý rút tiền mà không giao cho bà Đào Thị T.

Tuy nhiên, bà Đào Thị T không nộp được chứng cứ gì để chứng minh và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí để giải quyết yêu cầu của mình, cũng như đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C thì ông Lê Văn B và bà Đào Thị T có nghĩa vụ trả các khoản nợ phát sinh từ các thỏa thuận sau đây:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.285.300517 ngày 31/5/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 239272479 ngày 02/6/2017.

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.916.221117 ngày 24/11/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 250602359 ngày 24/11/2017.

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.2231.250319 ngày 03/05/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.2240.250319 ngày 03/05/2019; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 283137329 ngày 03/05/2019.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán nợ nên ngày 18/12/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C đã có Công văn số 4350/CV-QLN.19 rút lại toàn bộ yêu cầu trong Đơn yêu cầu độc lập số 416/KN-QLN.19, ngày 30/10/2019.

Nay trong vụ án này Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C không có yêu cầu gì đối với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T.

Xét, đơn rút yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 23,100,000 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị T phải chịu 37,020,000 đồng (ba mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C.

Vụ án chậm đưa ra xét xử là do vụ án phức tạp nên việc xác minh, thu thập chứng cứ mất nhiều thời gian.

Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 33, Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn B đối với bà Đào Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn B được ly hôn bà Đào Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 27/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp cho ông Lê Văn B và bà Đào Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung*: Con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 27/12/2001, đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung*: Tài sản chung của ông Lê Văn B và bà Đào Thị T yêu cầu phân chia gồm có:

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53, cho bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu có giá 477,498,000 đồng.

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61, do bà Đào Thị T đứng tên chủ sở hữu có giá 208,800,000 đồng.

01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy: 2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22, cho ông Lê Văn B đứng tên chủ sở hữu có giá 625,211,000 đồng.

Ông Lê Văn B được nhận 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 254898 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/2017; nhãn hiệu: THACO; số máy: D4DBGJ632594; Số khung: 99AKHC025199; biển số đăng ký 51D-106.53 có giá 477,498,000 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô được nhận nói trên.

Bà Đào Thị T được nhận 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 157043 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2014; nhãn hiệu: KIA; số máy: JT647826; số khung: RNHKCB27TDC915138; biển số đăng ký: 51C-376.61 có giá 208,800,000 đồng và 01 xe ô tô có Giấy chứng nhận đăng ký số 121704 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2013; nhãn hiệu: TOYOTA; số máy:

2KDU358181; số khung: RL4ZR69G8D4016740; biển số đăng ký: 51A-613.22 có giá 625,211,000 đồng. Tổng trị giá phần tài sản bà Đào Thị T được nhận là 834,011,000 đồng (tám trăm ba mươi bốn triệu, không trăm mười một nghìn đồng).

Bà Đào Thị T có quyền, nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với 02 chiếc xe ô tô được nhận nêu trên.

Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn B đối với yêu cầu chia tài sản là các bất động sản sau đây:

- Nhà, đất tại địa chỉ: C1/18, ấp 3, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhà, đất tại địa chỉ: F3/16B, ấp 6, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhà, đất tại địa chỉ: E8/18K, ấp 5, xã V L B, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đất có diện tích khoảng 6,000 m² (sáu nghìn mét vuông) tại ấp Rừng Dầu, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C đối với ông Lê Văn B và bà Đào Thị T về các khoản phải trả phát sinh theo các thỏa thuận sau đây:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.285.300517 ngày 31/5/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 239272479 ngày 02/6/2017.

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.208.300517 ngày 31/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.916.221117 ngày 24/11/2017; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 250602359 ngày 24/11/2017.

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KHH.CN.2231.250319 ngày 03/05/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số KHH.CN.2240.250319 ngày 03/05/2019; Và giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 283137329 ngày 03/05/2019.

2. *Về án phí:* Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300,000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0018270, ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và 23,100,000 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 25,650,000 đồng (hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0018590 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê

Văn B được nhận lại 2,550,000 đồng (hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch.

Bà Đào Thị T phải chịu 37,020,000 đồng (ba mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A C số tiền tạm ứng án phí là 39,499,000 đồng (ba mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0064120 ngày 8/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên